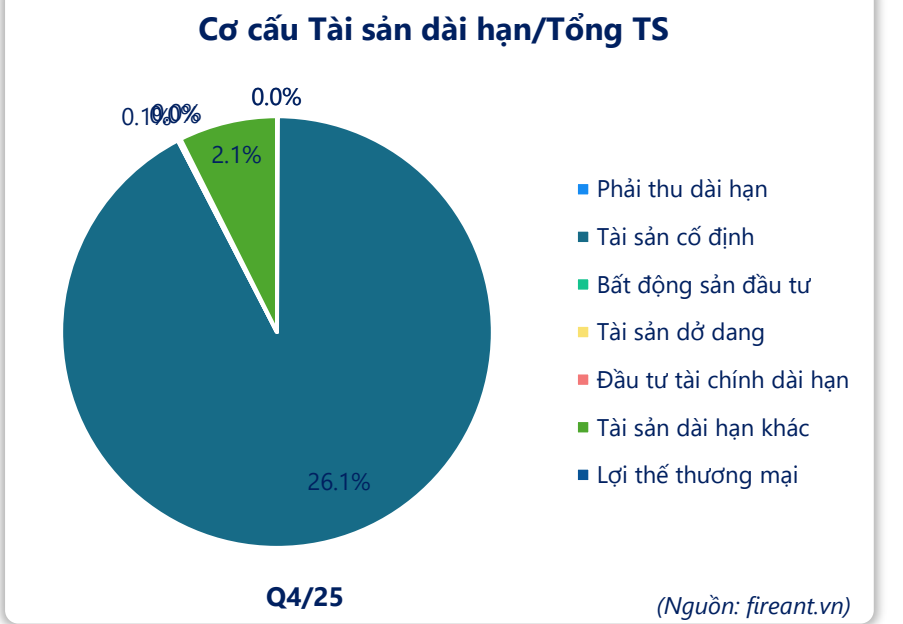
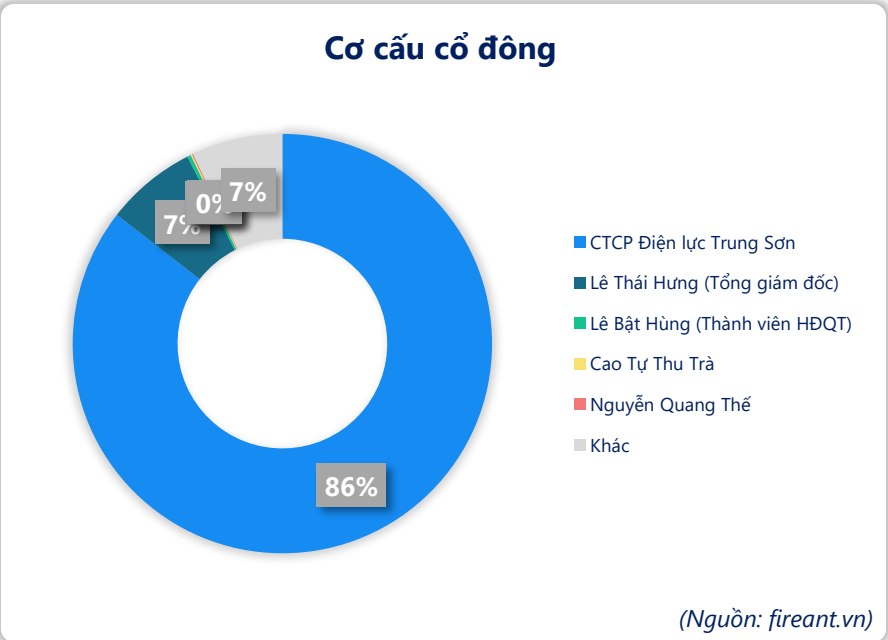
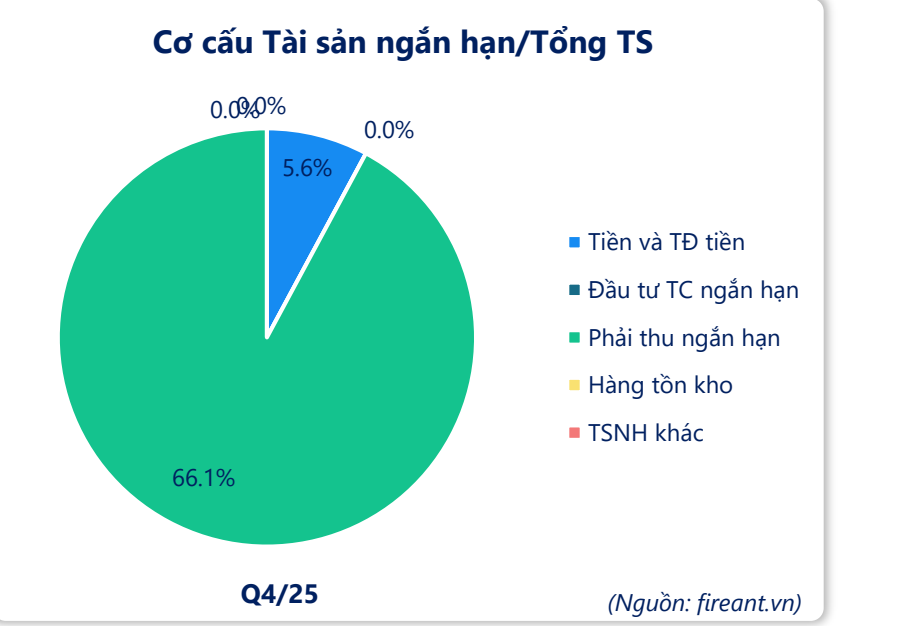
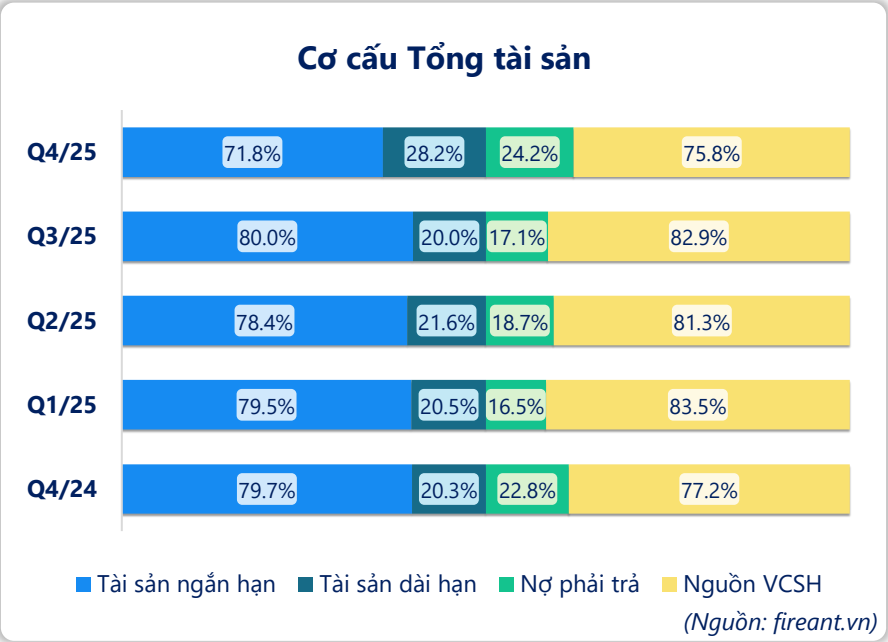
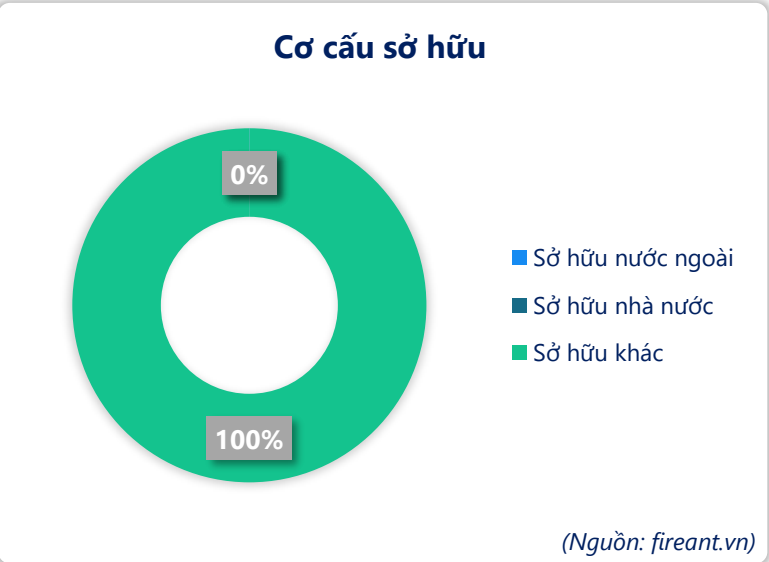
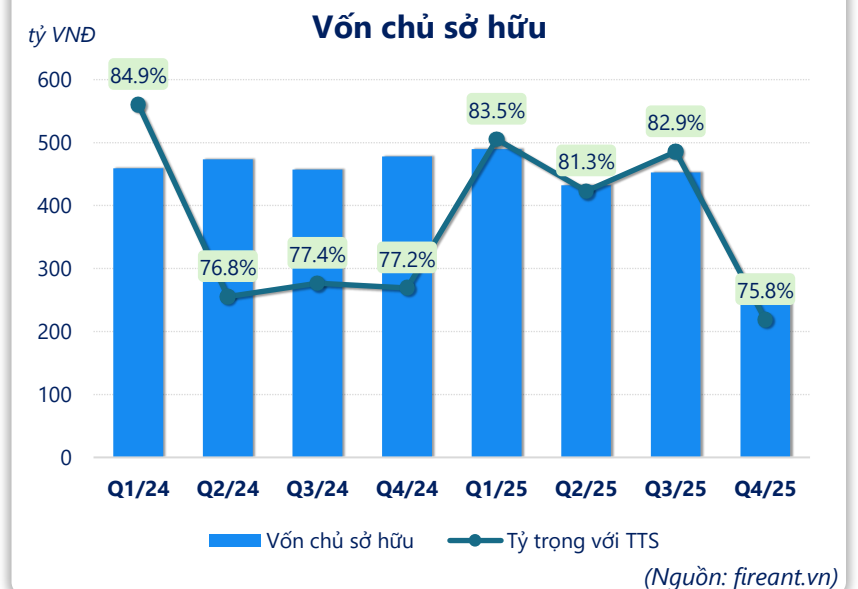
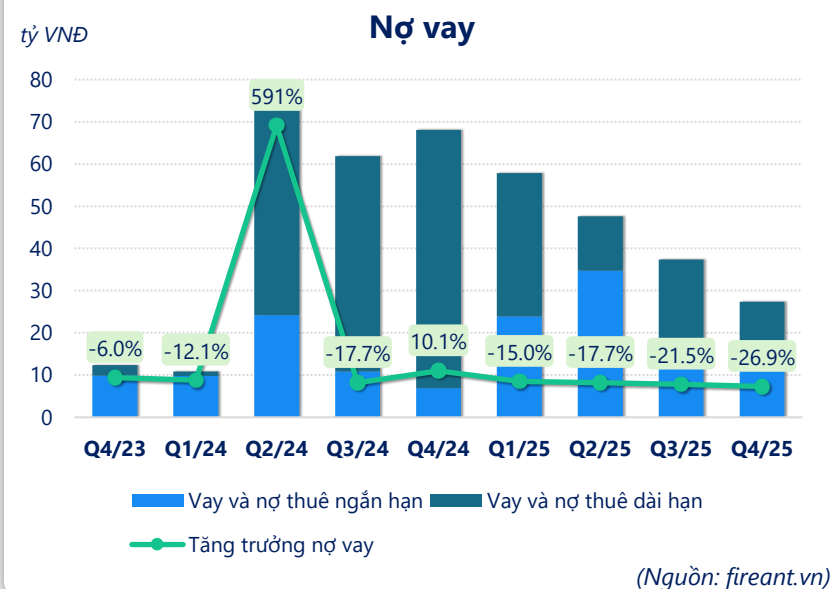
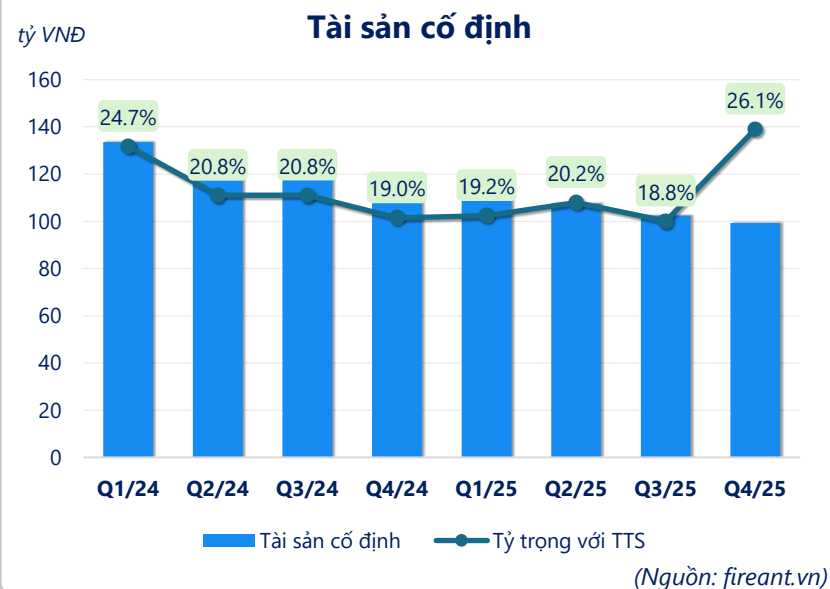
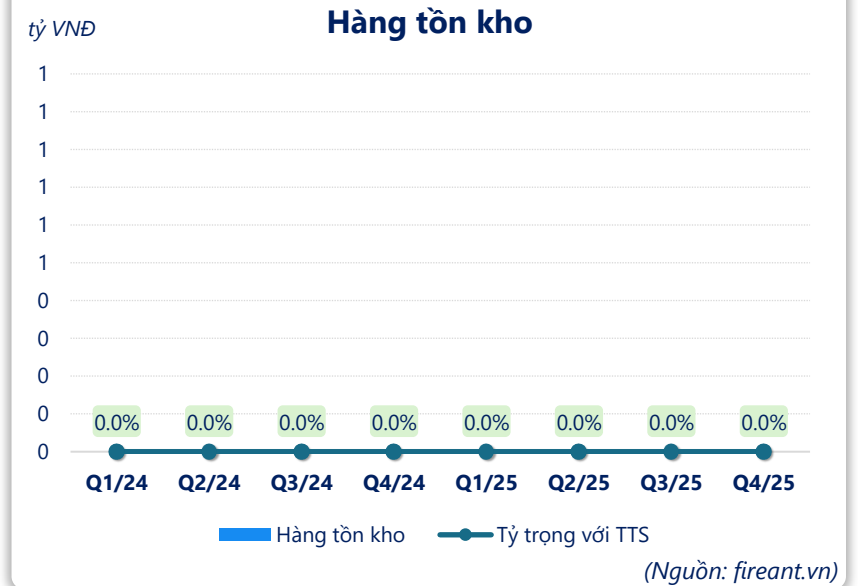
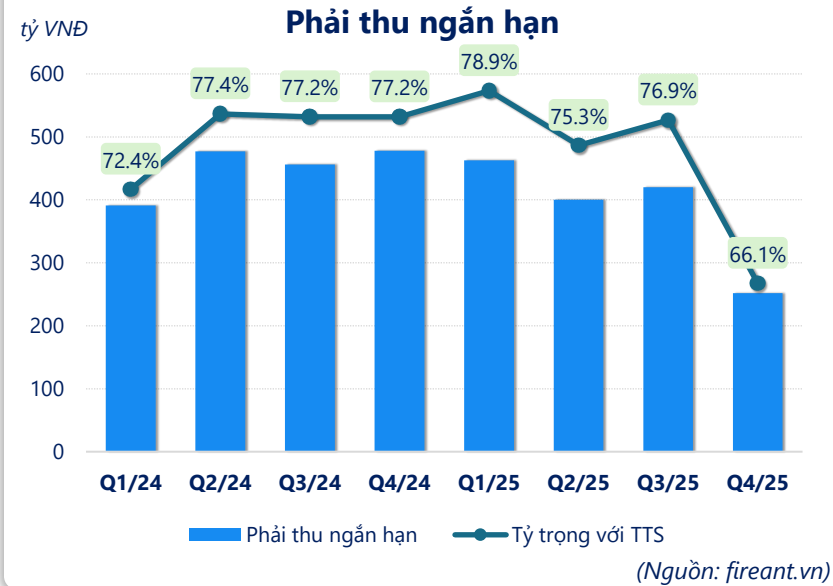
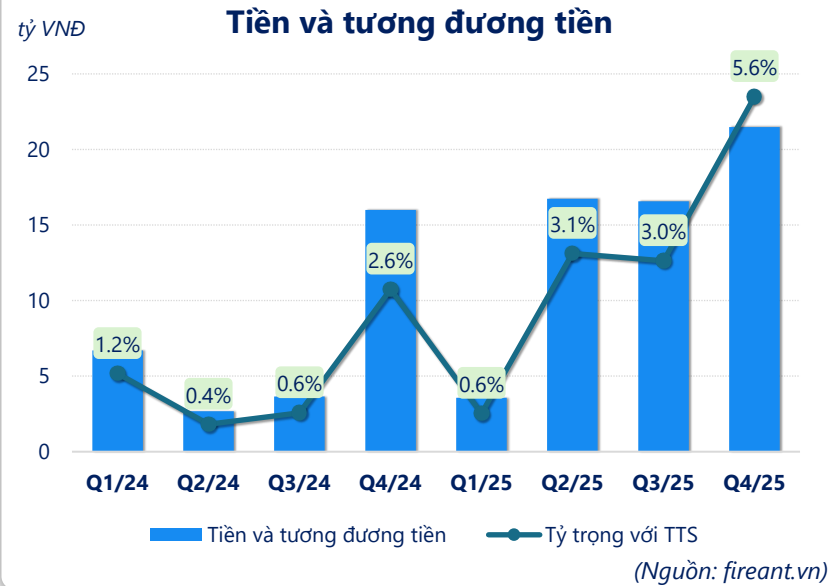
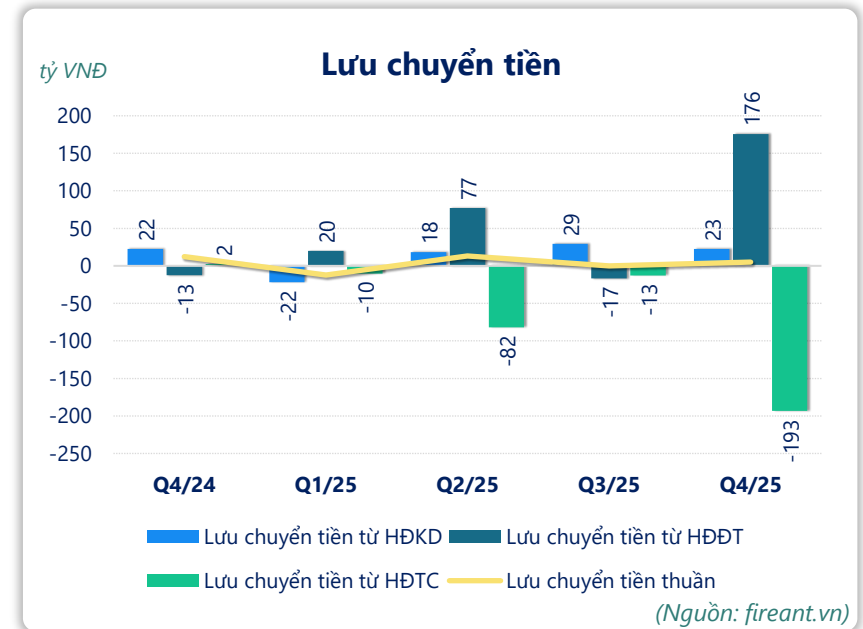
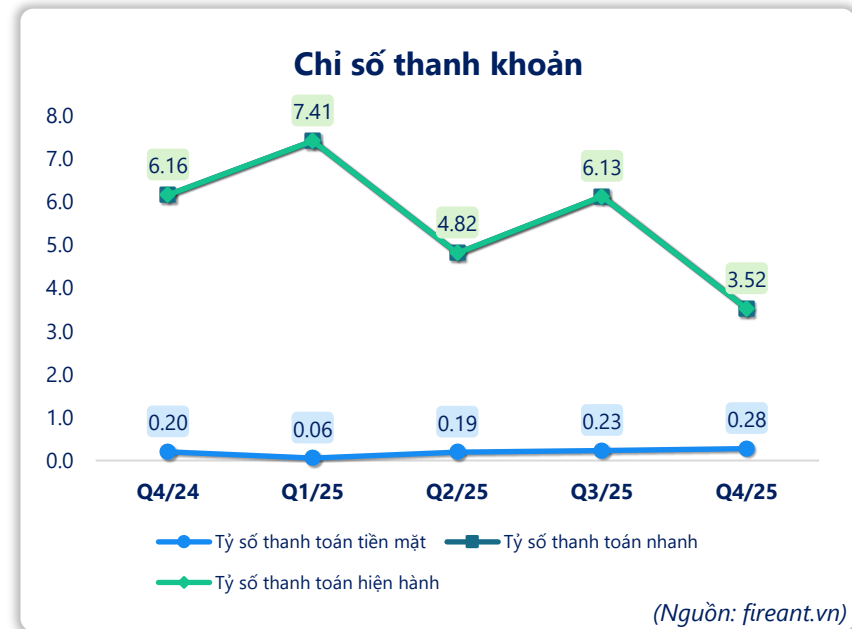
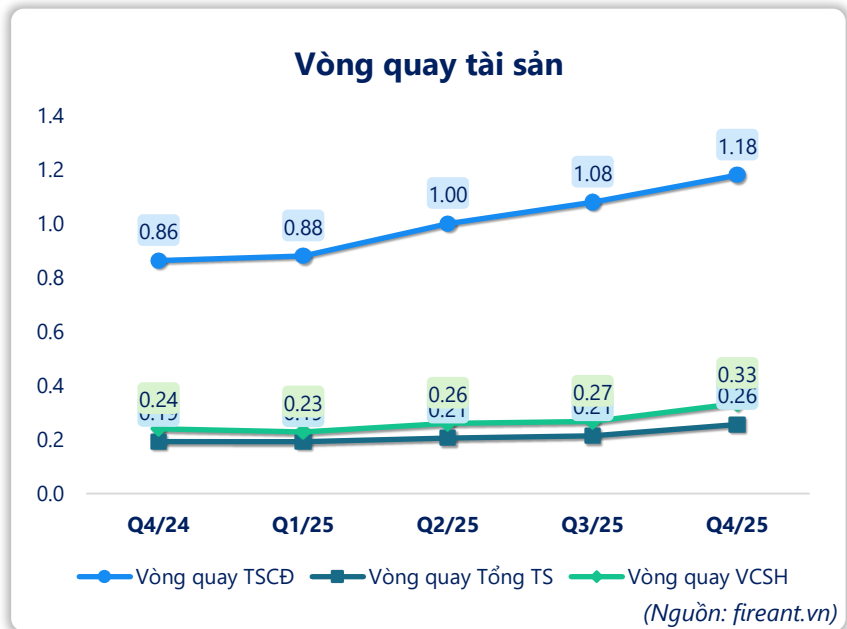
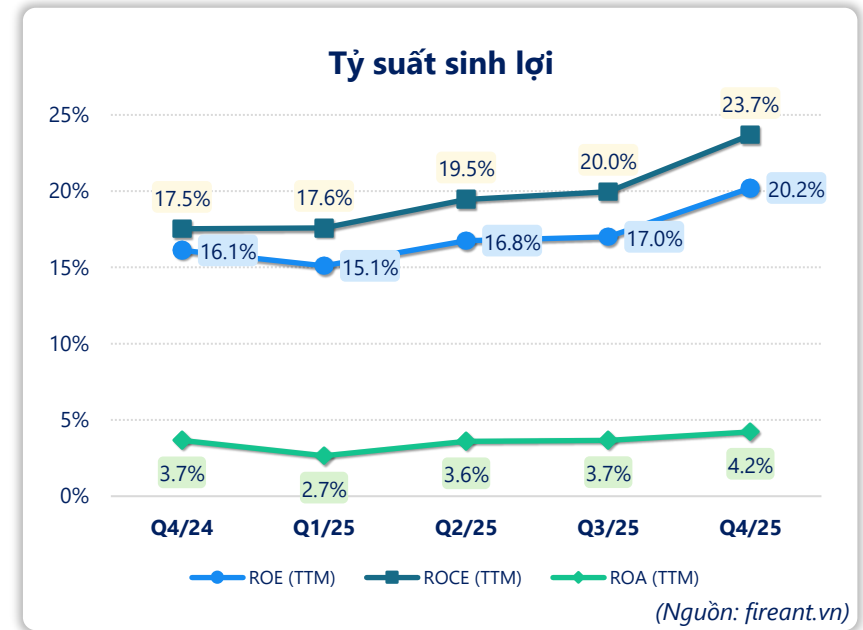
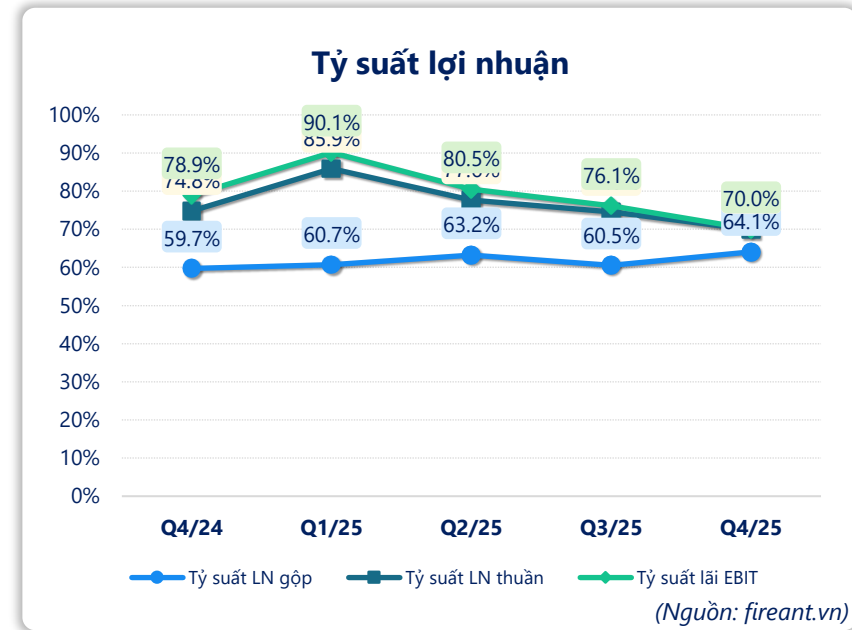
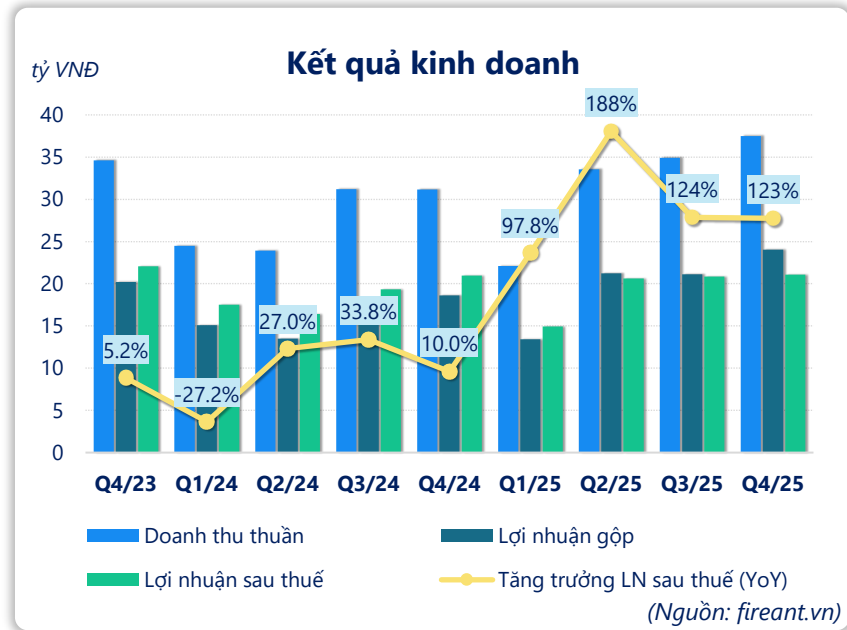


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		34,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		45,097
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		20,468
SL cổ phiếu LH		18,583,100
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,235
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		637
P/E		8.2
EPS		4,170

	YTD	1T	3T	6T
QPH	57.5%	-1.4%	-21.7%	27.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	381	617	-38.3%
Tài sản ngắn hạn	273	492	-44.4%
Tiền và tương đương tiền	21.5	15.8	36.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	252	476	-47.1%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.00	0.01	-97.6%
Tài sản dài hạn	107	126	-14.5%
Phải thu dài hạn	0.08	0.08	0.0%
Tài sản cố định	99.2	118	-15.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.23	0.23	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	7.93	7.49	5.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	92.0	143	-35.5%
Nợ ngắn hạn	77.6	84.2	-7.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	12.9	9.66	34.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	12.0	36.2	-66.8%
Nợ dài hạn	14.4	58.5	-75.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	14.4	58.5	-75.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	289	475	-39.2%
Vốn chủ sở hữu	289	475	-39.2%
Vốn điều lệ	186	186	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	31.2	22.1	33.6	34.9	37.5
Giá vốn hàng bán	12.5	8.69	12.3	13.8	13.5
Lợi nhuận gộp	18.6	13.4	21.2	21.1	24.0
Doanh thu HĐTC	7.67	8.10	7.49	7.49	4.74
Chi phí TC	1.31	1.17	1.14	0.95	0.74
Chi phí lãi vay	1.31	1.17	1.14	0.58	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	1.66	1.36	1.52	1.64	1.81
LN thuần từ HĐKD	23.3	19.0	26.0	26.0	26.2
Lợi nhuận khác	-0.02	-0.23	-0.18	-0.04	0.05
LN trước thuế	23.3	18.8	25.9	26.0	26.3
Lợi nhuận sau thuế	21.0	14.9	20.6	20.8	21.1
LNST của CĐ cty mẹ	21.0	14.9	20.6	20.8	21.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	22.4	-22.0	18.2	29.3	22.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.5	20.0	77.0	-16.7	176
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.44	-10.2	-82.0	-12.8	-193
Tiền đầu kỳ	3.65	15.8	3.57	16.7	16.6
Lưu chuyển tiền thuần	12.3	-12.2	13.2	-0.18	4.92
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	16.0	3.57	16.7	16.6	21.5

(Nguồn: fireant.vn)